TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1333** /2023/QĐST - HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 08 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 57, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số: 1874/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Nguyễn Duy Đ;** Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: 82/37, tổ 13, KP. 3, P. B, TP. H, tỉnh Đồng Nai.

- **Nguyễn Thị Đào;** Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: tổ 25, KP. 5, P. D, TP. H, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy Đ và bà Nguyễn Thị Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ, bà Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy Đức A; Sinh ngày: 11/09/2019. Ly hôn, ông Đ, bà Đ thỏa thuận giao cháu A cho bà Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng/tháng*) kể từ khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy Đ và bà Nguyễn Thị Đ mỗi người phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0008575 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- UBND P. An Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Trúc Thuỷ